

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày 10 - 01 - 2025
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Hồ Thanh Phong.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 709/2024TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 488/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Ấp N B, xã T P, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q. Địa chỉ cư trú: Ấp N B, xã T Phán, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày: Vào khoảng tháng 10/2022 do mối quan hệ quen biết nên bà Q có cho ông N và bà Q vay số tiền 40.000.000 đồng, không tính lãi suất, khi nào bà Q cần thì cho ông N và bà Q trả lại. Quá tình vay cho ông N và bà Q có trả được 5.000.000 đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Q chỉ yêu cầu cho ông N và bà Q trả cho bà số tiền 35.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn cho ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ cho ông N và bà Q biết yêu cầu khởi kiện của bà Q, nhưng cho ông N và bà Q không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Q, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Trần Văn N, bà Lê Thị Q đã được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông, bà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của bà Q, thấy rằng: Việc giao dịch vay tiền của bà Quyên và ông Nữa là trên cơ sở tự nguyện thoả thuận của các đương sự, tại biên bản hoà giải ngày 01/12/2023 tại ấp NB, xã T P thể hiện ông N thừa nhận có vay tiền của của bà Q và thừa nhận còn thiếu bà Q 35.000.000 đồng. Lời thừa nhận của ông N phù hợp với yêu cầu của bà Quyên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Đối với bà bà Q, bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Q nên khẳng định việc ông, bà có vay của bà Q số tiền 35.000.000 đồng là phù hợp. Mặt khác, số nợ trên phát sinh trong thời gian ông, bà chung sống với nhau nên ông N và bà Q phải có trách nhiệm trả cho bà Q số tiền 35.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và bà Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q. Buộc ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Q cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu (thuộc đối tượng là người cao tuổi).

- Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q phải chịu 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Di;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Ngọc Yến